

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC1+P6+P4	7:25	8+12+2	0+0+0		3+7+12	0+0+0	
2		SAVR+P2+BK4	7:25	19+0+2	0+0+0		17+2+1	0+0+0	chuyen 1 p2-bk4
3		SAVR+BK15+BK10	7:25	14+7+0	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
4		TD2+P6	9:25	1+21	0+0		0+20	0+0	
5		P8+TD3+TD1	9:25	17+0+5	0+0+0		13+4+2	0+0+0	
6		BK19+BK21+P8	11:25	6+4+12	0+0+0		0+5+14	0+0+0	
7		TTC3+TTC2+TTC1	11:25	10+5+7	0+0+0		4+5+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày TTC1-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2024	TO: TTC1 - P6 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DU'ONG - ĐNAM - QTRU'ONG	ETA: 09:20
Xanh - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRAMARENKO V.V	TTC1				2	30	68	KH-THAC	Russian
2	VU VIET THANH	TTC1						71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH HOANG NGUYEN	TTC1	74	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DOAN DOAN	TTC1				2	26	61	XAYLAP	Vietnamese
5	LE XUAN HAI	TTC1	69-70	2	20			88	XAYLAP	Vietnamese
6	PHUNG HA TAI	TTC1	75	1	5			113	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TRUNG THUY	TTC1	71	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH TRUNG	TTC1	72-73	2	9			75	NHA THAU	Vietnamese
9	LUU THE ANH	P6	83	1	5	1	20	74	KH-THAC	Vietnamese
10	VAN MINH TAN	P6	45	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHU	P6	04	1	2			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG BACH	P6	47	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO MINH HOANG	P6	14	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUU HUAN	P6	99	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TUAN	P6	84	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI MANH KHANH CUONG	P6	89-90	2	15			79	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN BANG	P6	85	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU TOAN	P6						79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC KHANH	P6	500,86-87	3	20			84	YTE	Vietnamese
20	LE QUANG BINH	P6	88	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VAN LONG	P4	52	1	3			70	PSV	Vietnamese
22	NGHIEM ANH VU	P4	53	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC1	8	610	7	41	4	56	3		
2	P6	12	881	14	90	1	20	7		
3	P4	2	138	2	9	0	0	12		
TOTAL		22	1.629	23	140	5	76	22		
WEIGHT KG			1.629		140		76			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2024	TO: SAVR - P2 - BK4	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN TÙNG	SAVR	93	1	12	1	17	73	AMNGR	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN TRUNG	SAVR	99	1	3	3	33	68	AMNGR	Vietnamese
3	GORCHAKOV EVGENII	SAVR	02	1	13			92	AMNGR	Russian
4	SUIAZOV EVGENII	SAVR	01,800	2	15			85	AMNGR	Russian
5	BALDIN ARTEM	SAVR	04	1	10			90	AMNGR	Russian
6	NGUYỄN VĂN PHÚ	SAVR	90-91	2	14			68	DMC-MI	Vietnamese
7	TRẦN MINH HẠO	SAVR	95	1	7			67	AMNGR	Vietnamese
8	TRƯỜNG VĂN HỒNG	SAVR	92	1	7			56	AMNGR	Vietnamese
9	GUZ MAKSIM	SAVR	98	1	13			73	AMNGR	Russian
10	KARIMOV ILNUR	SAVR	05	1	16			82	AMNGR	Russian
11	KHATIPOV RUSLAN	SAVR	03	1	11			72	AMNGR	Russian
12	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	SAVR	08-09	2	14			66	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG LONG	SAVR	96	1	12			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TRUNG	SAVR	89	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ GIÁP	SAVR	06	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀO THẾ VŨ	SAVR	07	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
17	TRỊNH HOÀNG KHÁNH	SAVR	97	1	8			86	KHOAN	Vietnamese
18	ÔNG VĂN NĂM	SAVR	88	1	14			70	BAKER HU	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC HUAN	SAVR	10-11	2	18			78	BAKER HU	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH HÙNG	BK4	46,40	2	22			90	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN NAM	BK4	14	1	17			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	19	1.430	23	210	4	50	17		
2	P2	0	0	0	0	0	0	2		CHUYEN 1 KHACH TU P2 SANG BK4
3	BK4	2	168	3	39	0	0	1		
TOTAL		21	1.598	26	249	4	50	20		
WEIGHT KG			1.598		249		50			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2024	TO: SAVR - BK15 - BK10	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRUONG NAM THANG	SAVR	51.92	2	15			58	BAKER HUC	Vietnamese
2	KHAIRUL ANWAR BIN MUHAMAD	SAVR	04-05	2	17			67	BAKER HUC	Malaysian
3	LE HUU DUNG	SAVR	06	1	10			67	AMNGR	Vietnamese
4	NGUYEN DANG NGOC	SAVR	93	1	5			78	AMNGR	Vietnamese
5	LE VAN HAU	SAVR	07	1	8			92	AMNGR	Vietnamese
6	LE VAN NAM	SAVR	54-55	2	13	2	18	57	PVD-LOGG	Vietnamese
7	NGO XUAN DUONG	SAVR	91	1	10	3	11	74	BAKER HUC	Vietnamese
8	VU TRUNG KIEN	SAVR	35	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH LUAN	SAVR	59	1	12			57	KH-THAC	Vietnamese
10	KUPRIAKHIN ALEKSEI	SAVR	03	1	21			90	AMNGR	Russian
11	VINOKUROV ALEKSANDR	SAVR	58	1	14			74	AMNGR	Russian
12	ZHIGULIN ANTON	SAVR	52	1	14			101	AMNGR	Russian
13	MIKHAYLOV DMITRY	SAVR	53	1	10			112	AMNGR	Russian
14	YUKHIMCHUK A.G	SAVR	61	1	12			82	KH-THAC	Russian
15	TRAN DUY DUC	BK15	10	1	12			82	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUONG HOE	BK15	07	1	8	3	58	71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH THANG	BK15	08	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC TUNG	BK15	06	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DINH QUANG	BK15	11	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC ANH	BK15	12	1	14			77	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG THAI LONG	BK15	09	1	5			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	14	1.083	17	175	5	29	13		
2	BK15	7	493	7	62	3	58	6		
3	BK10	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	1.576	24	237	8	87	22		
WEIGHT KG			1.576		237		87			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2024	TO: TD2 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - ĐNAM -	ETA: 11:40
XANH-2		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN THUC	TD2	11	1	12	1	12	85	KHOAN	Vietnamese
2	ĐANG LONG HAI	P6	14	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH QUANG	P6	02	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM VAN KHUONG	P6	96	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET DUNG	P6	08	1	6	5	75	62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN LAM GIANG	P6	15-16	2	12			77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC AN	P6	10	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO HUU HUY TU	P6	06	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUY THONG	P6	09	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO TRUONG DIEN	P6	04-05	2	16			75	KH-THAC	Vietnamese
11	LE DINH HUAN	P6	95	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THE LONG	P6	03	1	9			71	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐAO MINH HAI	P6	92-93	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN NAM ĐẠI	P6	97-98	2	13			64	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN LE THE ANH	P6	11-12	2	18			79	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUONG	P6	17	1	8			67	PSV	Vietnamese
17	ĐO KHAC ĐA	P6	01	1	7			65	PSV	Vietnamese
18	HOANG VAN TRONG	P6	600	1	5			99	PSV	Vietnamese
19	HO QUOC VU	P6	07	1	4			70	PSV	Vietnamese
20	LE MINH HUY	P6	94	1	8			73	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN DOA	P6	13	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN ANH HAO	P6	99	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	1	85	1	12	1	12	0		
2	P6	21	1.502	26	173	5	75	21		
TOTAL		22	1.587	27	185	6	87	21		
WEIGHT KG			1.587		185		87			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2024	TO: P8 - TD3 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	42	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH CHANH PHAT	P8	33	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG THANH TRUNG	P8	35	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THE CHINH	P8	43	1	11			55	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN ANH TRI	P8	31-32	2	8			62	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG HIEN	P8						76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU DUNG	P8	41	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN NHAN	P8	39-40	2	14			73	YTE	Vietnamese
9	NGO VAN DON	P8	26	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CHAU NAM	P8	38	1	15			93	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN QUANG	P8	37	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN TAN	P8	36	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN VU	P8	27	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HO CHE LINH	P8	45	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN CONG TINH	P8	44	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
16	LE XUAN TRUNG	P8	34	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH VINH	P8	30	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN PHU	P8	46	1	3			58	PSV	Vietnamese
19	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1	34	1	5			108	KHOAN	Russian
20	LE HAI NGAN	TD1	37-38	2	14			60	KHOAN	Vietnamese
21	MAI THE HIEN	TD1	39	1	13			89	KHOAN	Vietnamese
22	LE XUAN THANG	TD1	35	1	10	1	14	80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	18	1.254	19	111	0	0	13		
2	TD3	0	0	0	0	5	100	4		
3	TD1	4	337	5	42	1	14	2		
TOTAL		22	1.591	24	153	6	114	19		
WEIGHT KG			1.591		153		114			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/12/2024	TO: BK19 - BK21 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - SON - DTÙNG	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VAN SA	BK19	11	1	6	4	70	66	PSV	Vietnamese
2	LÊ TRUNG TUÂN	BK19	09	1	16			74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	BK19	07	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC DUNG	BK19	08	1	12			89	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NAM HAI	BK19	10	1	9			91	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN MINH	BK19	14-15	2	12			60	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH DANH	BK19	12-13	2	12			55	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ VĂN TOÀN	BK21	63	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG TRỌNG PHÚC	BK21	61-62	2	19			69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN TRƯỞNG	BK21	60	1	13			66	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN THUẬT	BK21	64	1	11	1	13	83	PSV	Vietnamese
12	VŨ DUY TRƯỞNG	P8	07	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA ĐẠT	P8	10	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	100	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	99	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	49	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC THIÊN	P8	50	1	9			68	XAYLAP	Vietnamese
18	CAO KINH THAO	P8	12-13	2	21			70	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P8	09	1	3			69	PSV	Vietnamese
20	LÊ CAO HAI	P8	08	1	6			63	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	14	1	4			51	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	11	1	4			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	7	503	9	76	4	70	0		
2	BK21	4	286	5	47	1	13	5		
3	P8	11	721	12	77	0	0	14		
TOTAL		22	1.510	26	200	5	83	19		
WEIGHT KG			1.510		200		83			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2024	TO: TTC3 - TTC2 - TTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: QVIỆT - NPHÚ - HIẾU	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG TRUNG HẬU	TTC3	23	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
2	BẠCH ANH TUÂN	TTC3	20-21	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BẮC	TTC3	22	1	4	2	30	61	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG QUY	TTC3	27	1	10			70	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	TTC3	74-75	2	17			82	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HOAN	TTC3	24-25	2	19			87	DVL	Vietnamese
7	PHẠM VĂN SANG	TTC3	72-73	2	15			66	DVL	Vietnamese
8	ĐOÀN PHÚC HOANG	TTC3	28-29	2	19			75	DVL	Vietnamese
9	BUI HUY BĂNG	TTC3	26	1	13			68	DVL	Vietnamese
10	PHAN XUÂN HÒA	TTC3						70	PSV	Vietnamese
11	HOANG QUỐC BAO	TTC2	06	1	3	2	30	60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG AN	TTC2	03	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	04	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN THỰC	TTC2	05	1	7			50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	02	1	4			74	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HÙNG	TTC1	81	1	15			62	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ HÙNG TUÂN	TTC1	78	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TTC1	79-80	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC SANG	TTC1	87-88	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	TTC1	83	1	16	2	15	61	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG TRUNG ĐỨC	TTC1	82	1	10			79	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC SƠN	TTC1	86	1	9			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC3	10	717	14	112	2	30	4		
2	TTC2	5	347	5	32	2	30	5		
3	TTC1	7	470	9	95	2	15	13		
TOTAL		22	1.534	28	239	6	75	22		
WEIGHT KG			1.534		239		75			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN